TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** TỈNH TIỀN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 46/2023/DS-ST
Ngày: 09/03/2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Tâm

2/ Bà Võ Thị Lệ

- Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Dũ, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 04 tháng 01 và 09 tháng 3 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 13/2022/ TLST-DS ngày 20 tháng 01 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST- DS ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Võ Thị P, sinh năm 19xx, có mặt
Địa chỉ: Ấp G, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang
Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị R, sinh năm 19xx (Hợp đồng ủy quyền số 3932 ngày 07/6/2022), có mặt
Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Lê Văn C, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện G tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Văn M, sinh năm 19xx (Hợp đồng ủy quyền số 1657 ngày 18/3/2022), có mặt
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Tấn Đ, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Văn M, sinh năm 19xx (Hợp đồng ủy quyền số 1657 ngày 18/3/2022), có mặt

Chị Đặng Thị Cẩm Th, sinh năm 19xx, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang
Người đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Văn M, sinh năm 19xx (Hợp đồng ủy quyền số 1657 ngày 18/3/2022), có mặt
Chị Lê Thị Cẩm H1, sinh năm 19xx, có mặt
Địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang
Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp: Luật sư Nguyễn Hữu T, văn phòng luật sư Nguyễn Hữu T, đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh, có mặt
Chị Lê Thị Cẩm H2, sinh năm 19xx, có mặt
Anh Lê Văn M, sinh năm 19xx, có mặt
Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 19xx, có mặt
Chị Lê Thị Thúy N, sinh năm 20xx, xin vắng
Cùng địa chỉ: Ấp 1, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang
Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông
Địa chỉ: Số 09 đường N, khu phố H, thị trấn T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn S, chức vụ: Chủ tịch UBND huyện, xin vắng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 01 năm 2022 và quá trình xét xử, đại diện ủy quyền của nguyên đơn, bà Võ Thị R trình bày: Nguồn gốc đất là của cha mẹ chồng bà P cho vợ chồng bà P trước 1975, khu đất này thời chế độ cũ lấy làm đồn. Năm 1975 ông C có xin bà P cho ông C trồng trọt trên đất, bà P đồng ý. Đến năm 2010 bà P có đăng ký để cấp quyền sử dụng đất thì Cán bộ địa chính xã cho biết là ông C đã đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C có luôn phần đất bà P tranh chấp. Nên bà P có nhờ chính quyền ấp giải quyết. Năm 2014 ấp hòa giải thì hộ C có đồng ý trả đất cho bà P và thống nhất cắm trụ ranh nay vẫn còn. Sau đó bà P và ông C cùng các thành viên hộ ông C có đến

UBND xã T để ký tên trả đất với hình thức Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất hai bên cùng ký tên riêng chị Lê Thị Cẩm H1 ở thành phố Hồ Chí Minh không có về ký tên. Trên phần đất tranh chấp chị H2 (Con ông C) trồng cỏ chăn nuôi, đến khi ông C trả đất, chính quyền ấp đến cắm cọc thì bà P quản lý đất, nên có cho anh C (Cháu con bà P) cắt cỏ. Bà P yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của bà P đối với phần đất có diện tích đo 231,8 m^2 thuộc một phần của thửa đất số 2678, giấy chứng nhận quyên sử dụng đất số CH02245 ngày 27/02/2014 cấp cho hộ ông Lê Văn C, tại ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

* Trong đơn phản tố và quá trình xét xử, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, anh Lê Văn M trình bày: Nguồn gốc thửa đất 2678 của mẹ vợ ông C là cụ Lê Thị T cho ông C và bà Lê Thị N quản lý sử dụng liên tục từ năm 1975. Đến năm 1999 bà N chết. Ngày 27/2/2014 được UBND huyện Gò Công Đông cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 cho hộ ông Lê Văn C. Năm 2014 hộ bà P có hỏi mượn ông C một phần đất để sinh sống, do là bà con nên ông C đồng ý cho bà P mượn đất và cho cắm 4 trụ xi măng trên phạm vi đất cho mượn. Sau đó bà P nói để làm tin nên nhờ ông C, con ông C là Lê Tấn Đ, Đặng Thị Cẩm T ký tên trên Hợp đồng chuyển nhượng đất. Do thiếu hiểu biết về pháp luật nên gia đình ông C có ký tên Hợp đồng, nhưng gia đình không đồng ý thực hiện ký kết tại các cơ quan có thẩm quyền vì gia đình ông C không chuyển nhượng đất mà chỉ cho bà P mượn đất. Lý do ông C ký tên trong Hợp đồng chuyển nhượng đất vì trước đó ông Tr con bà P có đến nhà ông C chửi mắng đòi ông C phải trả phần đất tranh chấp, ông C sợ bị ông Tr đánh, nên ông C mới ký tên vào Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là để trả bà P phần đất tranh chấp hiện nay. Ông C không đồng ý công nhận quyền sử dụng đất của bà P trên diện tích 231,8m^2 vì đây là đất của hộ ông C. Ông C có yêu cầu phản tố: Yêu cầu bà P phải di dời 04 trụ xi măng đã cắm trên đất tranh chấp, yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C trên diện tích 231,8m^2, thửa số 2678 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông C. Nếu Tòa có căn cứ công nhận quyền sử dụng đất cho bà P, ông C không yêu cầu chi phí san lấp đất.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh Lê Văn M trình bày: Quá trình sử dụng đất ông C có san lắp đất nhưng không xác định khối lượng cụ thể. Ông C, anh Đ và chị T có đến UBND xã Tăng Hòa ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà P với mục đích là hộ ông C đồng ý ký trả đất cho bà P. Chính quyền ấp có đến đóng cọc, đến năm 2021 gia đình bà P cắm lại 04 trụ cây khác thay cho cọc cây cũ, anh M có cắm 01 trụ sắt kế bên. Sau đó bà P cắm lại 04 trụ xi măng ở 04 góc cho đến nay vẫn còn. Nên yêu

cầu bà P phải tháo dỡ, di dời 04 trụ xi măng trên đất. Anh M thống nhất yêu cầu như ông C, anh M không có yêu cầu khác.

Chị Lê Thị Cẩm H2 trình bày: Từ năm 2005 chị H2 đã trồng cỏ trên đất để chăn nuôi, đến khi chính quyền ấp giải quyết ông C trả đất cho bà P thì chị H2 không thu hoạch cỏ nữa, vì bà P đã cho cháu bà P là anh C cắt cỏ trên phần đất tranh chấp. Đến khi Tòa án xuống đo đất, để tránh mâu thuẫn giữa chị H2 và anh C nên thống nhất cho chị H2 thu hoạch cỏ trong thời gian chờ Tòa án xét xử. Chị H2 thống nhất yêu cầu như ông C và anh M. Nếu Tòa xử buộc giao đất cho bà P, chị H2 không yêu cầu cỏ trồng trên đất.

Chị Lê Thị Cẩm H1 và chị Phạm Thị Bích H trình bày thống nhất yêu cầu như ông C và anh M. Chị H1 và chị H không có yêu cầu khác.

Anh Lê Văn M là đại diện theo ủy quyền của anh Lê Tấn Đ và chị Đặng Thị Cẩm T trình bày thống nhất yêu cầu của ông C. Anh Đ, chị T không có yêu cầu khác.

Chị Lê Thị Thúy N thống nhất yêu cầu như ông C và anh M. Chị N xin vắng mặt khi Tòa xét xử.

* Tại văn bản số 2300/UBND ngày 29/9/2022 người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Gò Công Đông là ông Lê Văn S đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định của pháp luật, do bận công tác nên xin vắng mặt.

* Ý kiến của Luật sư: Ông C có nhân chứng xác nhận nguồn gốc đất của bà Lê Thị T là mẹ vợ của ông C cho vợ chồng ông C sử dụng từ năm 1975. Ông C có đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ ông C thửa đất số 2678, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 ngày 27/2/2014, trong đó diện tích bà P tranh chấp là 231,8m^2. Bà P trình bày cho ông C mượn đất nhưng không có giấy tờ cho mượn đất. Nếu là đất của bà P thì tại sao bà P lại ký Hợp đồng chuyển nhượng đất với hộ ông C, nhưng chị H1 không có ký tên trong hợp đồng. Khi hộ ông C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà P không có ý kiến khiếu nại…Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 189, 192 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu phản tố của ông C, công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C trên diện tích 231,8m^2, thửa số 2678 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông C, buộc bà P phải di dời 04 trụ xi măng đã cắm trên đất.

* Ý kiến của Viện kiểm sát: Trong quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 166, 579 Bộ luật dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Võ Thị P, buộc hộ ông

Lê Văn C trả cho bà Võ Thị P quyền sử dụng đất diện tích 231,8m ^{2} thuộc một phần thửa số 2687, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 ngày 27/02/2014 do UBND huyện Gò Công Đông cấp cho hộ ông Lê Văn C. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông C yêu cầu Tòa án công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C diện tích 231,8m ^{2} thuộc một phần thửa số 2687, tờ bản đồ số 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 ngày 27/02/2014 do UBND huyện Gò Công Đông cấp cho hộ ông Lê Văn C, đồng thời yêu cầu bà P tháo dở 04 trụ xi măng trên phần đất tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, việc nộp đơn khởi kiện, thụ lý đơn và thẩm quyền giải quyết của Tòa án đúng quy định; Việc thu thập tài liệu chứng cứ; Thủ tục kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện G và chị Lê Thị Thúy N có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người đại diện theo pháp luật của UBND huyện G và chị Lê Thị Thúy N.

Xét yêu cầu, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp quyền sử dụng đất và đòi tài sản theo quy định Điều 166 Bộ luật dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P.

Nguồn gốc đất: Bà P trình bày được cha mẹ chồng cho đất trước năm 1975. Ông C trình bày được mẹ vợ cho đất sử dụng từ năm 1975. Nhưng cả hai bên đều không có chứng cứ việc tặng cho đất.

Hồ sơ cấp quyền sử dụng đất: Năm 2010 hộ ông Lê Văn C được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH00440 ngày 14/10/2010, thửa 835, tờ bản đồ số 05, diện tích 1480m^2 đất ở nông thôn và cây hàng năm khác, tại ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông. Năm 2014, hộ ông C tặng cho anh Lê Tấn Đ 259m^2, nên tách thành thửa mới 2687, diện tích 1221m^2, Giấy chứng nhận số CH02245 ngày 27/02/2014.

Năm 2012 hộ bà Võ Thị P được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH01345 ngày 14/6/2012, thửa 836, tờ bản đồ số 05, diện tích 1470m^2, đất trồng cây hàng năm khác, tại ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông. Năm 2020 hộ bà P lập thủ tục tặng cho quyền sử dụng đất của hộ sang cá nhân bà P.

Quá trình sử dụng: Bà P trình bày cho ông C mượn đất sử dụng năm 1975. Ông C trình bày cho bà P mượn đất sử dụng năm 2014. Nhưng cả hai bên đều không có chứng cứ cho mượn đất. Tuy nhiên, khi bà P biết được ông C tự kê khai xin cấp quyền sử dụng phần đất mượn của bà P cùng với thửa đất của hộ ông C, bà P đã có tranh chấp đòi ông C trả đất. Nên khi tổ hòa giải ấp Trại Cá giải quyết thì ông C đã đồng ý giao trả đất cho bà P, nên chính quyền ấp tiến hành đóng cọc (BL 130). Sau đó bà P, ông C và con ông Chớ là anh Đ, chị T có đến UBND xã Tăng Hòa lập thủ tục hợp thức hóa việc trả đất bằng hình thức ký Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất (BL 128,129). Mặc dù Hợp đồng chưa được chứng thực theo quy định pháp luật, nhưng là chứng cứ chứng minh trên thực tế có sự kiện hộ ông C ký tên giao trả đất cho bà P. Do đó, có căn cứ xác định hộ ông C có mượn đất của bà P nên mới đồng ý giao trả đất.

Hiện trạng sử dụng đất: Chị Cẩm H2 là con ông C trồng cỏ trên đất và thu hoạch cỏ từ năm 2005. Đến khi hộ ông C giao lại đất thì bà P quản lý và cho cháu bà P là anh C thu hoạch cỏ trên đất cho đến khi Tòa án đến xem xét thẩm định tại chỗ, vì tránh xung đột giữa chị H2 (Không phải thành viên hộ ông C) và anh C về việc thu hoạch cỏ, nên thống nhất cho chị H2 thu hoạch cỏ chờ Tòa án xét xử. Điều này chứng minh trên thực tế hộ ông C đã không còn quản lý sử dụng phần đất tranh chấp kể từ khi ông C giao lại đất cho bà P theo trụ ranh đã cắm trên đất. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ phần đất tranh chấp có diện tích đo 238,1m^2, vị trí Đông giáp đất bà P, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất hộ ông C, Bắc giáp đất bà Lê Thị Hương và bà Nguyễn Thị Bảy. Hiện trạng đất trồng cỏ, có cắm 06 trụ bê tông.

Việc ông C giao lại đất cho bà P quản lý, cắm trụ trên đất trong một thời gian dài, thành viên hộ ông C đều biết nhưng không phản đối, cho thấy thành viên hộ ông C đồng tình việc giao trả đất cho bà P. Từ phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P theo quy định Điều 166 Bộ luật dân sự.

[3] Xét yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C.

Xem xét chứng cứ của ông C cung cấp chưa đủ cơ sở chứng minh diện tích đất tranh chấp là do cụ Lê Thị T tặng cho vợ chồng ông C. Mặt khác, chứng cứ của ông C đưa ra càng khẳng định thêm trước khi khởi kiện, gia đình bà P đã quyết liệt đòi hộ ông C trả đất. Từ đó có cơ sở xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà P, nên ông C giao lại đất cho bà P là phù hợp, nên thành viên hộ ông C mới đồng tình việc giao trả đất. Từ đó chính quyền ấp tiến hành đóng cọc, sau đó gia đình bà P mới cắm trụ cây và thay trụ xi măng cho đến nay. Do đó, ông C yêu cầu bà P phải di dời 04 trụ xi măng trên đất, yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C diện tích

231,8m^2, thửa số 2678 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho hộ ông C là không có căn cứ chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử ghi nhận hộ ông Chớ không yêu cầu tài sản trên đất, chị Hường không yêu cầu phần cỏ trồng trên đất.

[5] Về án phí: Ông C là người cao tuổi, có đơn xin miễm nộp án phí. Hội đồng xét xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông C theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của Luật sư không có căn cứ, Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét đề nghị của Viện kiểm sát có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 166, 288 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị P. Buộc ông Lê Văn C, anh Lê Văn M, anh Lê Tấn Đ, chị Đặng Thị Cẩm T, chị Lê Thị Cẩm H1, chị Phạm Thị Bích H, chị Lê Thị Thúy N và chị Lê Thị Cẩm H2 có nghĩa vụ giao cho bà Võ Thị P phần đất diện tích 231,8m^2, thửa 2687, tờ bản đồ 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 ngày 27/02/2014 do UBND huyện Gò Công Đông cấp cho hộ ông Lê Văn C, tại ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, có vị trí Đông giáp đất bà P, Tây giáp đường bê tông, Nam giáp đất hộ ông C, Bắc giáp đất bà Lê Thị Hương và bà Nguyễn Thị Bảy (Kèm Trích đo bản đồ địa chính khu đất).

Công nhận quyền sử dụng đất của bà Võ Thị P diện tích 231,8m^2, thửa 2687, tờ bản đồ 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 ngày 27/02/2014 cấp cho hộ ông Lê Văn C, tại ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang, có vị trí nêu trên.

Khi án có hiệu lực pháp luật bà Võ Thị P được quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền lập thủ tục cấp quyền sử dụng đất theo quy định.

2/ Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn C về việc yêu cầu công nhận quyền sử dụng đất của hộ ông C diện tích 231,8m^2, thửa 2687, tờ bản đồ 05, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH02245 ngày 27/02/2014 do UBND huyện Gò Công Đông cấp cho hộ ông Lê Văn C, tại ấp Trại Cá, xã Tăng Hòa, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Không chấp nhận yêu cầu của ông Lê Văn C về việc yêu cầu bà Võ Thị P phải tháo dỡ, di dời 04 trụ xi măng trên phần đất 231,8m^2.

3/ Án phí: Miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn C. Ông C được nhận lại số tiền 300.000 đồng biên lai thu số 0028456 ngày 09/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Dũng

Nơi nhận:
- VKSND huyện GCĐ;
- Chi cục THADS huyện GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV